

Bản án số: 147/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HẢI**

2. Ông **MÃ THANH TRUNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ TUYẾT M**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN Q**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 21/6/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Q kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng hay tranh cãi, anh Q đam mê cờ bạc không quan tâm vợ con. Vào cuối năm 2016, chị có nộp đơn ly hôn với anh Q, nhưng sau đó chị đã rút đơn nên Tòa án nhân dân huyện C đã Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 56/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2017. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào hàn gắn được và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Q.

Con chung: Có một cháu tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 16/11/2012, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai không ghi ngày, tháng, năm và lời khai tại Tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ thương con. Nếu giả sử Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Theo chị M trình bày thì vợ chồng chỉ sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi, anh Q đam mê cờ bạc, không quan tâm vợ con làm cuộc sống vợ chồng mất tình cảm không còn hạnh phúc. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Q. Về phía anh Q thì anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ thương con. Xét thấy, cho chị M được ly hôn anh Q là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm và bản thân anh Q không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp nào thuyết phục chị M để vợ chồng đoàn tụ. Đồng thời, vào thời điểm cuối năm 2016, chị M có nộp đơn ly hôn với anh Q nhưng để tạo cơ hội cho anh Q khắc phục, sửa đổi tính tình nên chị đã rút đơn và Tòa án nhân dân huyện C đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 56/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2017. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào sum họp, dung hòa được cuộc sống chung. Cho nên, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Có một cháu tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 16/11/2012, hiện đang sống với chị M. Xét thấy, tiếp tục giao cháu K cho chị M nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với chị M từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời, căn cứ vào văn bản ý kiến xác nhận của đại diện đại phương do đương sự cung cấp cho rằng chị M hiện đang nuôi cháu K tốt, phát triển bình thường. Từ đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 16/11/2012 cho chị M nuôi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08903 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

